

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HC-PT

Ngày 20/02/2023

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai
thuộc trường hợp hủy quyết định giải
quyết khiếu nại ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Ông Vương Minh Tâm

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 430/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 8 năm 2022, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp hủy Quyết định giải quyết khiếu nại*”,

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2022/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1924/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963; Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

1.2. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1938; Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông N, bà B: Bà Lê Ngọc N1, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 158 đường H, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu - Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2022 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Phạm Đăng Khoa, Văn phòng luật sư Đăng Khoa thuộc đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn Gành Hào, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tuấn Kiệt, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Huỳnh Tấn Khanh, chức vụ Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Trường trung học cơ sở L; Đại diện: Ông Phạm Văn Phương, chức vụ: Hiệu trưởng; Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Trường Tiểu học N; Đại diện: Ông Lý Văn Cương, chức vụ: Hiệu trưởng; Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Trường mẫu giáo H; Đại diện: Bà Lâm Thị Màu, chức vụ: Hiệu trưởng; Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- Trạm y tế xã A; Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị B và người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Trương Văn Tổng trình bày:

Năm 1997, gia đình ông N có phần đất 2800m² tại thửa số 475, tờ bản đồ số 09, đất tọa lạc tại Ấp C, xã A, huyện Đ do bà Nguyễn Thị X là chị ruột ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi ngày 9/7/2008.

Ông Trương Văn Tổng trình bày: mẹ ông là bà Phạm Thị B có phần đất có diện tích 5.300m², thuộc thửa số 40 tờ bản đồ số 09 đất tọa lạc tại Ấp C, xã A, huyện Đ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Trương Văn Quảng (chồng bà B) đứng tên.

Năm 1997, nhà nước vận động nhân dân hiến đất để đào kênh thủy lợi 773 (còn gọi là kênh Cái Keo) thì gia đình ông N, bà B không đồng ý, Nhà nước cũng không có Quyết định thu hồi, không bồi thường cho gia đình ông, bà nhưng vẫn tiến hành đào kênh. Hiện nay, kênh 773 đã không còn tồn tại, các hộ dân trước đây bị lấy đất đào kênh đã tự chiếm lại đất, nhiều hộ cất nhà kiên cố và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, chỉ còn lại hộ của ông N và hộ bà B không được nhận lại đất và cũng không được bồi thường nên khiếu nại đến

Ủy ban nhân dân huyện Đ. Ông N, bà B nhận được Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ với nội dung bác yêu cầu của ông N với bà B về việc đòi lại diện tích đất của ông, bà mà nhà nước đã sử dụng làm kênh 773 nhưng nay đã san lấp làm vỉa hè, cống thoát nước, trồng cây xanh.

Nay ông N, bà B yêu cầu hủy Quyết định số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày tại văn bản số 4260/UBND ngày 28/10/2021: Năm 1996, tỉnh Minh Hải (nay là Bạc Liêu) thực hiện công trình đào kênh thủy lợi kết hợp đường giao thông nông thôn nhằm phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi tuyến xã Định Thành đến xã A nay thuộc huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Theo tinh thần quyết định số 773- TTg ngày 21/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ về chương trình khai thác, sử dụng đất hoang hóa, bãi bồi ven sông ven biển và mặt nước ở vùng đồng bằng. Theo chủ trương của tỉnh lúc bấy giờ là vận động nhân dân giao đất cho Nhà nước, được người dân đồng thuận nên công trình kênh 773 được đưa vào sử dụng từ năm 1996-1997. Do chia tách tỉnh, chia tách huyện nên không có hồ sơ cung cấp cho Tòa án. Phần đất mà ông N và bà B yêu cầu là đất giao thông thủy lợi do nhà nước quản lý theo hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính chính quy, sổ mục kê, sổ địa chính lập năm 2006 được thực hiện theo quyết định số 750/QĐ- UB ngày 27/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ không đồng ý đối với yêu cầu của ông N và bà B.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X là ông Nguyễn Văn N trình bày: thống nhất lời trình bày của ông N, không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Trường trung học cơ sở L, Trường Tiểu học N, Trường mẫu giáo H, Trạm y tế xã A: không có ý kiến trình bày, có yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B, ông N Luật sư Lê Ngọc NI và Luật sư Phạm Đăng Khoa trình bày:

Phần đất bà B, ông N yêu cầu có nguồn gốc của gia đình ông N, bà B. Khi Nhà nước mức kênh 773 vào khoảng năm 1996, 1997 thì không có quyết định thu hồi, không bồi thường theo quy định là sai. Đối với công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ được ban hành khi có khiếu nại của ông N, bà B về mặt hình thức không phải là Quyết định giải quyết khiếu nại là trái quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Huỳnh Tấn Khanh trình bày: khoảng năm 1996, thực hiện chủ trương về các dự án giao thông thủy lợi trên địa bàn tỉnh là nhà nước và nhân dân cùng làm, người dân thì hiến đất, nhà nước bỏ kinh phí để mức kênh nên không bồi thường. Khi mức kênh 773 thì các hộ dân cũng không phản đối và sử dụng ổn định liên tục đến nay trên 20 năm. Ngoài ra, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ dân cũng đã được điều chỉnh lại theo bản đồ địa chính chính quy có trừ ra phần kênh 773. Nay nhà nước đã san lấp

một phần con kênh làm vỉa hè, cống thoát nước, cây xanh (phần trước mặt tiền của 3 điểm trường và trạm y tế) là sử dụng mục đích công cộng nên không đồng ý với yêu cầu của bà B, ông N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 12/2022/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 30, Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348; Điều 358 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Luật Khiếu nại 2011;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị B về việc khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí thẩm định, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/6/2022 ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị B kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư và người đại diện cho người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Năm 1997, UBND huyện Đ tự ý thu hồi đất của ông N và bà B làm kênh 773, không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường cho người dân là trái quy định của luật đất đai, trong trường hợp cần thiết mới thu hồi đất và khi thu hồi đất phải bồi thường về đất. Chủ tịch UBND huyện Đ cho rằng người dân hiến đất là không có căn cứ vì Chủ tịch UBND huyện Đ không cung cấp được tài liệu thể hiện người dân hiến đất; trong khi người dân xác định họ không hiến đất, Tòa án cấp sơ thẩm đã bỏ lọt chứng cứ này. Đến thời điểm hiện nay, kênh 773 không còn nữa, chứng tỏ nhà nước không sử dụng đất của ông N, bà B liên tục. UBND xã A cũng có cam kết khi có phán quyết của Tòa, sẽ thực hiện việc bồi thường cho người dân. Năm 2006, UBND huyện Đ điều chỉnh diện tích đất của bà X (chị ông N), bà B khi chưa có quyết định thu hồi đất là không đúng pháp luật. Năm 2001, nhà nước mới sử dụng phần đất của ông N, bà B làm trường học và trạm y tế. Do đó, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của ông N, bà B; sửa án sơ thẩm, hủy Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ, để UBND huyện Đ bồi thường đất cho ông N, bà B.

Người bảo vệ quyền lợi cho Chủ tịch UBND huyện Đ trình bày: Nhà nước làm kênh 773 nhằm phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế tại địa phương; trong điều kiện kinh tế khó khăn, nên nhà nước và nhân dân cùng làm, nhân dân đã hiến đất để làm kênh và giao thông tại địa phương, trong đó có gia đình ông N, bà B và kênh 773 đã thực hiện đưa vào sử dụng từ năm 1997; đến năm 2009 – 2010, địa phương san lấp một phần kênh 773, để xây dựng Trường học, Trạm y tế, lộ giới và trồng cây xanh, phục vụ lợi ích chung. Diện tích đất gia đình ông N, bà B đã hiến cho Nhà nước từ năm 1997, nếu người dân không đồng ý hiến thì trước đây nhà nước không thể sử dụng làm kênh 773 và nay dùng vào việc xây Trường, Trạm y tế và lộ giới trồng cây xanh được. Khi nhà nước san lấp kênh để xây dựng Trường, Trạm y tế gia đình ông N, bà B cản trở nên UBND xã giải thích, khi có phán quyết của Tòa sẽ bồi thường đúng quy định của pháp luật, chứ không phải địa phương cam kết bồi thường đất cho ông N, bà B. Nhà nước đã sử dụng đất liên tục, ổn định cho lợi ích chung trên 20 năm, địa phương cũng khẳng định không có việc nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho phân đất các hộ đã hiến làm kênh 773. Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, đề nghị bác đơn kháng cáo của ông N, bà B, giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu và trình bày: Ông N, bà B có đơn khiếu nại riêng, quyền lợi khác nhau; trong đó ông N cho rằng đất của cha mẹ cho ông N và nhờ bà X là chị ruột đứng tên giấy chủ sử dụng, nhưng chưa có tài liệu chứng minh. Do đó, xác định ông N là người khiếu nại, vì có quyền lợi bị xâm phạm là chưa đúng người khiếu nại và thuộc trường hợp khiếu nại không được thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011; Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết khiếu nại bằng Văn bản số 3029 là không đúng thủ tục của quyết định giải quyết khiếu nại, theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011. Về nội dung, UBND huyện Đ đã thừa nhận năm 1997, vận động người dân hiến đất, đào kênh thủy lợi 773, nay kênh 773 không còn, các hộ dân lấy lại đất sử dụng; riêng đất hộ ông N, bà B vẫn trưng dụng làm xây dựng công trình cống thoát nước, vỉa hè, cây xanh, hàng rào khuôn viên trường học. Do đó, đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của ông N, bà B và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị B; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đúng theo quy định của pháp luật, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị B; Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

[1]. Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Phạm Thị B, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính; đối tượng bị khởi kiện là Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về việc phúc đáp đơn yêu cầu của ông N, bà B có nội dung như quyết định giải quyết khiếu nại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[2]. Ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị B có đơn khởi kiện, cùng yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; như vậy, ông N và bà B khởi kiện cùng một quyết định hành chính. Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quyết định số 01/2022/QĐST-HC ngày 28/4/2022 nhập vụ án hành chính thụ lý số 07/2021/TLST-HC ngày 17/02/2021 và vụ án hành chính thụ lý số 12/2021/TLST-HC ngày 05/3/2021 thành một vụ án hành chính thụ lý số 07/2021/TLST-HC ngày 17/02/2021, là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[3]. Sau khi nhập vụ án, ngày 24/5/2022 Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, được xem đây là lần đầu Tòa án mở phiên tòa; người bị kiện Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trường mẫu giáo H, Trường Tiểu học N, Trường trung học cơ sở L, Trại y tế xã A đều có đơn xin vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 thì Tòa án phải hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xét xử người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không khiếu nại, không kháng cáo. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng nhưng chưa đến mức nghiêm trọng, chưa xâm phạm đến quyền lợi của người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[4]. Về nội dung Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu:

[4.1]. Tại Biên bản làm việc ngày 17/3/2021 của TAND tỉnh Bạc Liêu với ông N đã xác định nguồn gốc đất nhà nước đã trưng dụng là của cha mẹ ông N (ông Nguyễn Văn Nhân, bà Nguyễn Thị Phấn) để lại cho ông N và ông N nhờ bà Phạm Thị Xuyên là chị ruột đứng tên dùm giấy CNQSDĐ số AN 498908 do UBND huyện Đ cấp ngày 01/9/2008. Mặc dù chưa có tài liệu chứng minh diện tích đất khiếu nại là của ông N; Chủ tịch UBND huyện Đ đã xác định ông N là người khiếu nại và giải quyết khiếu nại, vì cho rằng ông N có quyền lợi bị xâm phạm là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2011 *“Quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khiếu nại không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khiếu nại”*.

[4.2]. Ông N, bà B có đơn khiếu nại riêng, diện tích đất bị trưng dụng khác nhau; Chủ tịch UBND huyện Đ giải quyết khiếu nại đối với ông N, bà B bằng Công văn số

3029/UBND ngày 19/10/2020. Theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật khiếu nại năm 2011 thì các hành vi bị nghiêm cấm là: “*Ra quyết định giải quyết khiếu nại không bằng hình thức quyết định*”. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011 quy định:

1. Người giải quyết khiếu nại lần đầu phải ra quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Trường hợp nhiều người khiếu nại về một nội dung thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại xem xét, kết luận nội dung khiếu nại và căn cứ vào kết luận đó, để ra quyết định giải quyết khiếu nại cho từng người hoặc ra quyết định giải quyết khiếu nại kèm theo danh sách những người khiếu nại.

Đối chiếu những quy định nêu trên, thì khi giải quyết khiếu nại đối với ông N, bà B về việc UBND huyện Đ sử dụng đất của gia đình ông N, bà B để làm kênh 773, nay sử dụng vào việc làm Trường học, Trạm y tế, vỉa hè lộ giới và trồng cây xanh nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường đất; đây là khiếu nại lần đầu nhưng Chủ tịch UBND huyện Đ không giải quyết khiếu nại cho từng người, mà giải quyết khiếu nại chung của ông N, bà B bằng một Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 là không đúng quy định của pháp luật, bị nghiêm cấm.

[5]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi cho người kháng cáo phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Do đó, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông N, bà B và một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Sửa bản án sơ thẩm, hủy Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch UBND huyện Đ. Chủ tịch UBND huyện Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, chi phí thẩm định. Ông N, bà B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị B; chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKS-HC ngày 06/6/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2022/HC-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 348, Điều 358 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 6, khoản 1 và khoản 3 Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011; Căn cứ khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị B về việc: Hủy Công văn số 3029/UBND ngày 19/10/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. Chi phí xem xét thẩm định:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu tổng cộng là 3.667.040 đồng; hoàn trả cho bà Phạm Thị B là 2.026.000 đồng và ông Nguyễn Văn N là 1.641.040 đồng (Do bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Văn N đã tạm ứng trước).

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu 300.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn N 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014983 ngày 08/02/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn N, bà Phạm Thị B không phải chịu; hoàn trả 300.000 đồng cho ông Nguyễn Văn N theo Biên lai thu số 0000192 ngày 17/6/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý